

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SA THẦY
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HSST
Ngày: 17-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SA THẦY, TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ry Thị Mỹ Hoàng

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Chinh và ông Trương Quốc Hương.

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Hương- Thư ký Toà án nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum tham gia phiên toà: Ông Phan Hà Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 09/2020/HSST ngày 04 tháng 6 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HS, ngày 02 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

TRẦN Q Đ (*Tên gọi khác: C A*), sinh ngày : 22/6/1986 tại tỉnh Kon Tum; Trú tại: Thôn 2 thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.; Nghề nghiệp: Làm nông.; Trình độ văn hoá: 08/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh ; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Con ông Trần Đ V và bà Nguyễn Th L; Có vợ là Nguyễn Th Th (Đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2008; Tiền án: không, tiền sự: Tháng 10 năm 2019 bị Công an huyện S xử phạt hành chính vì hành vi gây rối trật tự công cộng có mang theo vũ khí thô sơ; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ 17/3/2020 đến ngày 26/3/2020 được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; đến ngày 10/7/2020 bị bắt tạm giam cho đến nay - Có mặt tại phiên toà.

**** Người bị hại:*** Bà Trương Thị Ng D, sinh năm 1960. (Có mặt)

Trú tại: Thôn 1 thị trấn S, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

**** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Anh Hoàng K Tr, sinh năm: 1993. (Có mặt)

Trú tại: Thôn 1 thị trấn S, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

2. Chị Trương Thị Đ Ph, sinh năm: 1984 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Thôn 1 thị trấn S, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 20 phút ngày 16/3/2020, Trần Qu Đ đi bộ từ Trung tâm thương mại huyện S đến nhà của bà Trương Th Ng D tại thôn 1 thị trấn S để mượn xe mô tô do Đ có quen biết với con của bà D và Hoàng K Tr. Khi đến nhà bà D, Đ thấy nhà không khóa cửa ngoài, giữa sân nhà có xe mô tô BKS 82H2-4363 có chìa khóa trên xe. Đ gọi mà không ai trả lời nên đã quay ra. Khi đi được khoảng 5m thì Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô nên quay lại đi vào trong sân, bật chìa khóa xe lên, quay đầu xe dắt xe ra cổng và điều khiển xe chạy về thành phố K. Đây đi đến nhà bạn ở phường thống nhất chơi và uống bia, đến 23 giờ cùng ngày thì quay về nhà của mình ở thôn 2 thị trấn S để ngủ. Sau khi phát hiện mất xe ô tô, Hoàng K Tr đã trích xuất camera của gia đình mình và nhận ra người lấy trộm xe mô tô là Trần Qu Đ nên đã báo cơ quan CSĐT- Công an huyện S. Ngày 17/3/2020 Công an huyện S thi hành Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Trần Qu Đ. Tại nhà của Đ, cơ quan CSĐT- Công an huyện S đã thu giữ xe mô tô BKS 82H2-4363.

Tại bản kết luận về việc định giá tài sản tố tụng hình sự số 03/KL-HĐĐG ngày 23 tháng 3 năm 2020 của Hội đồng định giá tố tụng hình sự huyện S, tỉnh Kon Tum kết luận: Giá trị chiếc xe mô tô BKS 82H2-4363 bị trộm cắp là 4.800.140 đồng (Bốn triệu tám trăm nghìn một trăm bốn mươi đồng).

Tại bản cáo trạng số 09/CT-VKSST ngày 02 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố bị cáo Trần Qu Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên tội danh, khung hình phạt như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Qu Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 08 đến 11 tháng tù. Thời hạn tạm giam tính từ ngày 10/7/2020 trừ đi thời hạn đã bị tạm giữ trước đó.

Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Không.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa HĐXX nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng*: Giai đoạn điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình giải quyết vụ án, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sa Thầy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo:* Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trước đây tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, có đủ cơ sở để nhận định:

Vào khoảng 15 giờ ngày 16/3/2020 tại thôn 1 thị trấn S, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu bị cáo Trần Qu Đ đã lén lút trộm cắp 01 mô tô BKS 82H2-4363 của bà Trương Th Ng D. Tại bản kết luận về việc định giá tài sản tố tụng hình sự số 03/KL-HĐĐG ngày 23 tháng 3 năm 2020 của Hội đồng định giá tố tụng hình sự huyện S, tỉnh Kon Tum kết luận: Giá trị chiếc xe mô tô BKS 82H2-4363 bị trộm cắp là 4.800.140 đồng (Bốn triệu tám trăm nghìn một trăm bốn mươi đồng).

Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi phạm tội của bị cáo Trần Qu Đ đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo của bị cáo:*

Xét thấy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội và gây ảnh hưởng không tốt trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có đủ nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện, điều đó thể hiện ý thức xem thường pháp luật của bị cáo. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi và hậu quả bị cáo gây ra. Nhằm giáo dục bị cáo trở thành người biết tôn trọng pháp luật, đồng thời răn đe giáo dục phòng ngừa chung trong tình hình tội phạm ngày càng gia tăng hiện nay.

Về nhân thân: Tháng 10 năm 2019 bị cáo bị Công an huyện S xử phạt hành chính vì hành vi gây rối trật tự công cộng có mang theo vũ khí thô sơ với số tiền 4.000.000 đồng nhưng bị cáo vẫn chưa chấp hành hình phạt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng đối với bị cáo giảm nhẹ một phần hình phạt để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, sớm cải tạo thành người có ích.

[4] *Về trách nhiệm dân sự:* Quá trình giải quyết vụ án, người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên HĐXX không đề cập.

[5] *Về xử lý vật chứng:* Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã xác minh làm rõ chiếc xe mô tô đứng tên chủ sở hữu là chị Trương Th Đ Ph nhưng cả chị Ph và bà D đều thừa nhận là tài sản của bà D và bà D có toàn

quyền sở hữu, định đoạt. Do vậy, cơ quan cảnh sát điều tra trả lại chiếc xe mô tô BKS 82H2-4363 cho bà Trương Thị Ngọc D là chủ sở hữu hợp pháp là có cơ sở.

[6] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. **Tuyên bố**: Bị cáo Trần Quốc Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Quốc Đ 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 10/7/2020 (trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 17/3/2020 đến 26/3/2020).

2. **Về án phí**: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và mục I phần A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bị cáo Trần Quốc Đ phải chịu 200.000 đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

3. **Về quyền kháng cáo**: Căn cứ Điều 331; Điều 332; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (**17/7/2020**). Đối với những người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Sa Thầy;
- Công an huyện Sa Thầy;
- Sở tư pháp tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Sa Thầy;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- *Lưu hồ sơ.*

Ry Thị Mỹ Hoàng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM- TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SA THẦY

Các Hội thẩm nhân dân	Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa
-----------------------	------------------------------

